

THỐNG KÊ XẾP LOẠI HỌC LỰC - HẠNH KIỂM
NĂM HỌC: 2021-2022

STT	Lớp	GV chủ nhiệm	Tổng số HS (*)	Học Lực														Hạnh Kiểm													
				Giỏi		Khá		TB		Yếu		Kém		TB trở lên		Chưa đánh giá		Tốt		Khá		TB		Yếu		TB trở lên		Chưa đánh giá			
				SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
Toàn trường			287	31	10,8	149	51,92	98	34,15	9	3,14	0	0	278	96,86	0	0	265	92,33	20	6,97	2	0,7	0	0	287	100	0	0		
1	Khối 7		95	8	8,42	47	49,47	36	37,89	4	4,21	0	0	91	95,79	0	0	89	93,68	6	6,32	0	0	0	0	95	100	0	0		
1.1	7A	Hoàng Thị Vân	30	8	26,67	20	66,67	2	6,67	0	0	0	0	30	100	0	0	30	100	0	0	0	0	0	0	30	100	0	0		
1.2	7B	Vũ Thị Hồng	32	0	0	14	43,75	16	50	2	6,25	0	0	30	93,75	0	0	28	87,5	4	12,5	0	0	0	0	32	100	0	0		
1.3	7C	Trần Thị Hạnh	33	0	0	13	39,39	18	54,55	2	6,06	0	0	31	93,94	0	0	31	93,94	2	6,06	0	0	0	0	33	100	0	0		
2	Khối 8		100	11	11	57	57	27	27	5	5	0	0	95	95	0	0	88	88	10	10	2	2	0	0	100	100	0	0		
2.1	8A	Trần Thị Hà Anh	32	9	28,13	20	62,5	3	9,38	0	0	0	0	32	100	0	0	28	87,5	4	12,5	0	0	0	0	32	100	0	0		
2.2	8B	Ngô Thị Thanh Hương	34	1	2,94	20	58,82	12	35,29	1	2,94	0	0	33	97,06	0	0	31	91,18	3	8,82	0	0	0	0	34	100	0	0		
2.3	8C	Hà Thị Luận	34	1	2,94	17	50	12	35,29	4	11,76	0	0	30	88,24	0	0	29	85,29	3	8,82	2	5,88	0	0	34	100	0	0		
3	Khối 9		92	12	13,04	45	48,91	35	38,04	0	0	0	0	92	100	0	0	88	95,65	4	4,35	0	0	0	0	92	100	0	0		
3.1	9A	Nguyễn Thị Vân Anh	30	9	30	20	66,67	1	3,33	0	0	0	0	30	100	0	0	30	100	0	0	0	0	0	0	30	100	0	0		
3.2	9B	Lê Thu Tâm	31	1	3,23	12	38,71	18	58,06	0	0	0	0	31	100	0	0	29	93,55	2	6,45	0	0	0	0	31	100	0	0		
3.3	9C	Dương Thị Tuyết Nhung	31	2	6,45	13	41,94	16	51,61	0	0	0	0	31	100	0	0	29	93,55	2	6,45	0	0	0	0	31	100	0	0		

(*): Tổng số học sinh không bao gồm các học sinh miễn giảm toàn phần

Thị xã Đồng Triều, ngày 1 tháng 6 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Oanh